

Bản án số: 467/2018/DS-PT

Ngày: 11-5-2018

V/v: “*Tranh chấp về hợp đồng
vay tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền

Các Thẩm phán:

1/ Ông Lưu Trường Sanh

2/ Bà Trịnh Thị Ánh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thảo – Cán bộ tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Hà Thị Thúy Hằng – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 11 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 57/2018/TLPT-DS ngày 02 tháng 02 năm 2018, về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 612/2017/DS-ST ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận A, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1155/2018/QĐ-PT ngày 19 tháng 3 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 2382/2018/QĐ-PT ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Tập đoàn B;

Địa chỉ: 210 Đường N1, Phường E, Quận O, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

- Ông **Huỳnh Hồng C** (vắng mặt)

- Bà **Nguyễn Thị Xuân D** (có mặt)

Địa chỉ: 210 Đường N1, Phường E, Quận O, Thành phố Hồ Chí Minh. (Các Văn bản ủy quyền số 2156/UQ-CSVN ngày 01/8/2017 và số 869/UQ-CSVN ngày 03/4/2018 của Tổng Giám đốc Tập đoàn B)

2. Bị đơn: Ông Lê Vũ T, sinh năm 1979;

Địa chỉ: 571/20/3B (số mới: 571/24/3) Đường N2, Phường M, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

3. *Viện kiểm sát kháng nghị*: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn – Tập đoàn B trình bày: Ngày 15/9/2011, ông Lê Vũ T đã ký Hợp đồng tín dụng số 36/2011/HĐTH-TCCS-TD vay số tiền 600.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng (từ 20/9/2011 đến 20/9/2014), lãi suất trong hạn 16.2%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn là 24.3%/năm.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay trên là giá trị quyền sử dụng đất tại khu Đô Thị - TĐC Mỹ Phước II, thị trấn Q, huyện R, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 513827 vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 01010 do Ủy ban nhân dân huyện R, tỉnh Bình Dương cấp cho ông Lê Vũ T vào ngày 01/6/2006, được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 18/2012/HĐTC-TCCS-TD và công chứng tại Phòng công chứng số 02, tỉnh Bình Dương ngày 28/6/2012; đã đăng ký giao dịch đảm bảo tại Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện R, tỉnh Bình Dương.

Trong thời gian vay ông T chỉ trả được 25.000.000 đồng tiền lãi trong hạn, chưa trả được khoản tiền vốn.

Nay nguyên đơn yêu cầu ông T trả 600.000.000 đồng tiền vốn, lãi 522.540.507 đồng, trong đó lãi trong hạn là 255.943.333 đồng, lãi phạt chậm trả 5% là 12.797.167 đồng, lãi quá hạn hợp đồng là 281.800.007 đồng. Tổng cộng tính đến ngày 04/8/2017 là 1.150.540.507 đồng. Ngoài khoản tiền trên ông T còn phải trả tiền lãi theo hợp đồng đã nêu trên cho đến khi trả xong nợ. Trường hợp ông T không thanh toán được nợ thì yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp.

Bị đơn - ông Lê Vũ T trình bày: ông xác định có ký hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp như nguyên đơn trình bày nhưng là do thông qua một người quen ông đứng ra cho mượn tài sản thế chấp cho khoản vay trên. Ông xác định chữ ký trong hợp đồng thế chấp tài sản 18/2012/HĐTC-TCCS-TD và công chứng tại Phòng công chứng số 02, tỉnh Bình Dương ngày 28/6/2012 là chữ ký của ông, về chữ ký trong hợp đồng tín dụng cũng như tờ giấy giải ngân ông sẽ xem xét lại. Hiện ông gặp khó khăn, nếu đúng chữ ký của ông thì ông sẽ đồng ý để nguyên đơn phát mãi tài sản thế chấp để trả nợ.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm 612/2017/DS-ST ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận A, Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn – Tập Đoàn B.

Buộc bị đơn – ông Lê Vũ T có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn còn nợ gốc là 600.000.000 (Sáu trăm triệu) đồng; tiền lãi là 587.290.507 (Năm trăm tám mươi bảy triệu, hai trăm chín mươi nghìn, năm trăm lẻ bảy) đồng. Tổng cộng đến ngày 29/12/2017 tiền vốn và lãi là 1.187.290.507 (Một tỷ, một trăm tám mươi bảy triệu, hai trăm chín mươi nghìn, năm trăm lẻ bảy) đồng.

Ngoài khoản tiền trên, bị đơn còn phải trả tiền lãi tiếp tục kể từ ngày 30/12/2017 theo hợp đồng tín dụng với mức lãi 15%/năm cho đến khi thanh toán xong nợ.

Trường hợp bị đơn không thanh toán được nợ thì nguyên đơn được yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là giá trị quyền sử dụng đất tại Khu Đô Thị - TĐC Mỹ Phước II, thị trấn Q, huyện R, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 513827, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 01010 do Ủy ban nhân dân huyện R, tỉnh Bình Dương cấp ngày 01/6/2006.

Thời hạn và phương thức thanh toán: trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn – ông Lê Vũ T phải nộp 47.618.715 (Bốn mươi bảy triệu, sáu trăm mười tám nghìn, bảy trăm mười lăm) đồng.

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí do Tập Đoàn B đã nộp là 21.075.608 (Hai mươi một triệu, không trăm bảy mươi lăm nghìn, sáu trăm lẻ tám) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2014/005669 ngày 01/4/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận A.

Bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và quyền thi hành án của các đương sự.

Ngày 29/01/2018, Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị bản án dân sự sơ thẩm về các nội dung sau:

- + Yêu cầu phần tính lãi phạt 5% trên tiền lãi với số tiền 12.797.167 đồng của nguyên đơn là không phù hợp với quy định pháp luật.

- + Không nêu rõ việc sau khi thanh toán xong nợ thì nguyên đơn phải trả lại Giấy tờ tài sản thế chấp cho bị đơn hoặc trường hợp phát mãi tài sản thế chấp gây khó khăn cho việc thi hành án

- + Cấp sơ thẩm chưa hỏi đương sự về việc có yêu cầu tòa án trung cầu giám định hay triệu tập thêm người tham gia tố tụng hay không?

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn không rút yêu cầu khởi kiện, các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Xuân D trình bày: Đề nghị hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị đơn có bản tự khai ngày 10/5/2018 xác nhận có ký Hợp đồng tín dụng số 36/2011/HĐTH-TCCS-TD ngày 15/9/2011 và Hợp đồng thế chấp số 18/2012/HĐTC-TCCS-TD ngày 28/6/2012 để vay của nguyên đơn số tiền 600.000.000 đồng. Bị đơn yêu cầu toà án xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trình bày quan điểm:

- Về tố tụng: Từ ngày thụ lý đến khi xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đã thực hiện đầy đủ và đúng trình tự thủ tục tố tụng được quy định trong Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tại Biên bản hòa giải ngày 14/4/2017, bị đơn thừa nhận chữ ký trong hợp đồng thế chấp nhưng cho rằng cho mượn tài sản để thế chấp cho khoản vay của người khác, sẽ xem xét lại chữ ký trong hợp đồng tín dụng và các giấy tờ giải ngân. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thẩm phán không hỏi đương sự về việc có yêu cầu tòa án trung cầu giám định hay triệu tập thêm người tham gia tố tụng khác hay không. Theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 210 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 là thiếu sót vì đây là thủ tục bắt buộc. Tuy nhiên, tại cấp phúc thẩm ngày 10/5/2018, bị đơn ông T có bản tự khai lập tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện ông thừa nhận có ký Hợp đồng tín dụng số 36/2011/HĐTD-TCCS-TD ngày 15/9/2011 và Hợp đồng thế chấp để vay số tiền 600.000.000 đồng. Nhận thấy thiếu sót về mặt thủ tục nêu trên của tòa án cấp sơ thẩm không ảnh hưởng đến quyền lợi của đương sự do hiện tại đương sự không có ý kiến yêu cầu gì nên nội dung kháng nghị về vấn đề này không cần thiết, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh rút một phần kháng nghị về tố tụng.

- Về nội dung: Án sơ thẩm đã tuyên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn trong đó có tính phần lãi phạt 5% với số tiền 12.797.167 đồng là không có căn cứ. Bởi lẽ: tranh chấp nêu trên cần áp dụng Luật tổ chức tín dụng năm 2010 để giải quyết về phần lãi. Tại khoản 2 Điều 91 Luật tổ chức tín dụng năm 2010 quy định: “Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”

Tại Điều 11 Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Ngân hàng Nhà nước về việc ban hành quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng có quy định:

“1– Mức lãi suất cho vay do Tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận phù hợp với quy định của Ngân hàng nhà nước Việt Nam.

2 – Mức lãi suất áp dụng đối với khoản nợ gốc quá hạn do tổ chức tín dụng ấn định và thỏa thuận với khách hàng trong hợp đồng tín dụng nhưng không vượt quá 150% lãi suất cho vay áp dụng trong thời hạn cho vay đã được ký kết hoặc điều chỉnh trong hợp đồng tín dụng”

Như vậy, Ngân hàng Nhà nước cho phép các Tổ chức tín dụng thỏa thuận với khách hàng về lãi suất cho vay, khoản 2 nêu trên quy định rõ lãi suất áp dụng đối với các khoản lãi suất quá hạn, không quy định tính lãi phạt trên tiền lãi. Yêu cầu tính lãi phạt 5% trên tiền lãi với số tiền 12.797.167 đồng của nguyên đơn không phù hợp quy định tại các văn bản nêu trên nên không có cơ sở để chấp nhận nhưng án sơ thẩm đã tuyên chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn là chưa có căn cứ. Do vậy, cần sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả lãi phạt là 12.797.167 đồng.

Án sơ thẩm tuyên buộc bị đơn trả tiền cho nguyên đơn nhưng không tuyên sau khi bị đơn thanh toán xong khoản nợ thì nguyên đơn phải trả cho bị đơn bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thế chấp; Trường hợp phải phát mãi tài sản thế chấp, án sơ thẩm không tuyên sau khi trừ chi phí phát mãi, thanh toán cho nguyên đơn, số tiền phát mãi còn dư thì trả lại cho bị đơn, nếu số tiền phát mãi còn thiếu thì bị đơn phải tiếp tục thanh toán cho nguyên đơn số tiền còn lại là chưa bảo đảm quyền lợi của các bên theo quy định tại Điều 336, 338, 350, 355 Bộ luật dân sự năm 2005 và gây khó khăn trong công tác thi hành án. Do đó, cần sửa án sơ thẩm về vấn đề này.

Bởi các lẽ trên, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận kháng nghị số 13/QĐKNPT-VKS-DS ngày 29/01/2018 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đối với phần vi phạm của bản án sơ thẩm về nội dung.

- Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 612 ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận A, Thành phố Hồ Chí Minh theo hướng đã phân tích trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh rút kháng nghị đối với việc Tòa sơ thẩm chưa hỏi đương sự có yêu cầu Tòa án có trưng cầu giám định, triệu tập thêm người tham gia tố tụng khác không. Căn cứ khoản 3 Điều 248 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng nghị đã rút.

[2] Xét nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải chịu phần lãi phạt 5% trên tiền lãi là không đúng pháp luật, thấy: Căn cứ Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 1 Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn Tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận; khoản 2 Điều 11

Quy chế cho vay của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng được ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước được sửa đổi, bổ sung bằng Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/02/2005 thì mức lãi suất áp dụng đối với khoản nợ gốc quá hạn do Tổ chức tín dụng ấn định và thỏa thuận với khách hàng trong hợp đồng tín dụng nhưng không vượt quá 150% lãi suất cho vay áp dụng trong thời hạn cho vay đã được ký kết hoặc điều chỉnh trong hợp đồng tín dụng. Như vậy, lãi suất quá hạn được tính trên khoản nợ gốc quá hạn và không có quy định về việc tổ chức tín dụng được tính lãi phạt trên khoản tiền lãi. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn phải chịu tiền lãi phạt 5% trên tiền lãi là 12.797.167 đồng là không đúng, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc bản án sơ thẩm không tuyên buộc nguyên đơn phải trả cho bị đơn bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thế chấp sau khi bị đơn thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán, không tuyên sau khi trừ đi chi phí phát mãi, thanh toán nợ cho nguyên đơn, số tiền phát mãi nếu còn dư thì trả cho bị đơn, nếu còn thiếu thì bị đơn phải tiếp tục thanh toán, thấy: Căn cứ Điều 350 Bộ luật Dân sự năm 2005 thì bên nhận thế chấp có nghĩa vụ hoàn trả cho bên thế chấp các giấy tờ về tài sản thế chấp khi chấm dứt thế chấp và yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký giao dịch bảo đảm xóa đăng ký thế chấp. Căn cứ Hợp đồng thế chấp số 18/2012/HĐTC-TCCS-TD ngày 28/6/2012, nguyên đơn đang giữ bản chính các giấy tờ về tài sản thế chấp gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 513827 vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01010 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Cát, tỉnh Bình Dương cấp ngày 01/06/2006. Căn cứ Điều 355, Điều 538 Bộ luật Dân sự năm 2005, tiền bán tài sản bảo đảm được sử dụng để thanh toán nghĩa vụ, sau khi trừ chi phí bảo quản, chi phí bán tài sản và các chi phí cần thiết khác có liên quan để xử lý tài sản, nếu còn thừa thì phải trả lại cho bên thế chấp và còn thiếu thì bên thế chấp phải tiếp tục trả phần còn thiếu. Tòa án cấp sơ thẩm không tuyên các nội dung trên là không đảm bảo quyền lợi của bị đơn và gây khó khăn cho công tác thi hành án. Do đó, kháng nghị của Viện kiểm sát là có cơ sở, cần sửa bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu là 47.234.800 (bốn mươi bảy triệu, hai trăm ba mươi bốn nghìn, tám trăm) đồng. Nguyên đơn phải chịu là 639.858 (sáu trăm ba mươi chín nghìn, tám trăm năm mươi tám) đồng.

Án phí dân sự phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 612/2017/DS-ST ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Xử:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc Tòa sơ thẩm chưa hỏi đương sự có yêu cầu Tòa án có trưng cầu giám định, triệu tập thêm người tham gia tố tụng khác.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – Tập đoàn B:

Buộc ông Lê Vũ T phải trả Tập đoàn B tiền nợ gốc là 600.000.000 (Sáu trăm triệu) đồng; tiền lãi tính đến ngày 29/12/2017 là 574.493.340 (Năm trăm bảy mươi bốn triệu, bốn trăm chín mươi ba nghìn, ba trăm bốn mươi) đồng. Tổng số tiền là 1.174.493.340 (Một tỷ, một trăm bảy mươi bốn triệu, bốn trăm chín mươi ba nghìn, ba trăm bốn mươi) đồng làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ông Lê Vũ T phải tiếp tục trả lãi cho Tập đoàn B tiền lãi đối với số tiền thực tế vay với lãi suất được quy định trong Hợp đồng tín dụng số 36/2011/HĐTH-TCCS-TD ngày 15/9/2011 cho đến khi trả hết nợ.

Ngay sau khi ông Lê Vũ T thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán thì việc thế chấp tài sản chấm dứt, Tập đoàn B phải yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký giao dịch bảo đảm xóa đăng ký thế chấp và phải trả cho ông Lê Vũ T bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 513827, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 01010 do Ủy ban nhân dân huyện R, tỉnh Bình Dương cấp ngày 01/6/2006.

Trong trường hợp không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán thì ông Lê Vũ T phải giao tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất tại Khu Đô Thị - TĐC Mỹ Phước II, thị trấn Q, huyện R, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 513827, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 01010 do Ủy ban nhân dân huyện R, tỉnh Bình Dương cấp ngày 01/6/2006 cho cơ quan thi hành án phát mãi để thanh toán nghĩa vụ cho Tập đoàn B. Sau khi trừ chi phí bảo quản, bán tài sản và các chi phí cần thiết khác có liên quan để xử lý tài sản phát mãi; nếu tiền bán còn thừa thì sẽ trả lại cho ông Lê Vũ T; nếu tiền bán còn thiếu thì ông Lê Vũ T có nghĩa vụ tiếp tục trả tiếp phần còn thiếu đó.

Thi hành tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

3. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – Tập đoàn B về việc yêu cầu ông Lê Vũ T phải trả tiền lãi phạt là 12.797.167 (Mười hai triệu, bảy trăm chín mươi bảy nghìn, một trăm sáu mươi bảy) đồng.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lê Vũ T phải chịu 47.234.800 đồng.

Tập đoàn B phải chịu án phí là 639.858 (sáu trăm ba mươi chín nghìn, tám trăm năm mươi tám) đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 21.075.608 (Hai mươi một triệu, không trăm bảy mươi lăm nghìn, sáu trăm lẻ tám) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2014/005669 ngày 01/4/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Tập đoàn B được hoàn lại 20.435.750 (hai mươi triệu, bốn trăm ba mươi lăm nghìn, bảy trăm năm mươi) đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Án phí dân sự phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tối cao;
- VKSND TP.HCM;
- TAND quận A;
- THADS quận A ;
- Các đương sự;
- Lưu (T/17)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Huyền